

Số: 55 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 1723/SXD-PTĐT&HTKT ngày 14/6/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 1077/STP-XDKtrVB ngày 13/6/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

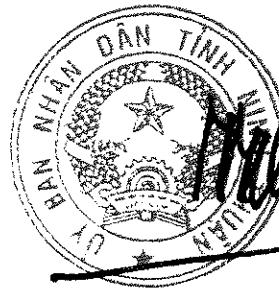
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2017

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các Phó CT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận;
- Đài PT và TH Ninh Thuận;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học – công báo;
- VPUB: LĐVP, QHXD, TH, KT, KGVX, NC, BTCD; NV;
- Lưu: VT. NQH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải tại các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Những nội dung không có trong quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nguồn tiếp nhận nước thải* là nơi nước thải được xả vào, bao gồm: sông, suối, kênh, mương, ao, hồ, đầm và nguồn tiếp nhận khác.

2. *Bùn thải* là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, mạng lưới thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, nước thải, cửa xả và nhà máy xử lý nước thải.

3. *Mạng lưới thoát nước cấp 1*: hệ thống cống, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước của khu vực hoặc vùng.

4. *Mạng lưới thoát nước cấp 2*: bao gồm hệ thống cống dọc các tuyến đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, hồ điều hòa đến hệ thống thoát nước cấp 1.

5. *Mạng lưới thoát nước cấp 3*: bao gồm hệ thống cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát cấp 1 và cấp 2.

6. Các từ ngữ khác về thoát nước và xử lý nước thải được quy định tại Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Điều 3. Thành phần hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước của tỉnh Ninh Thuận là hệ thống thoát nước chung cho nước thải sinh hoạt và nước mưa có giếng tách nước thải và hệ thống cống bao để thu gom và vận chuyển nước thải tới nhà máy xử lý nước thải, bao gồm:

1. Mạng lưới cống thoát nước chung thu gom nước mưa và nước thải (các cống cấp 1 và cấp 2 kể cả các cống bao);
2. Mạng lưới cấp 3 (kể cả các kênh, mương hở) dùng để thu gom và vận chuyển nước thải và nước mưa;
3. Hồ ga, cửa thu nước lẻ đường, giếng tách, trạm bơm nước thải;
4. Hệ thống cống bao thu gom nước thải về nhà máy;
5. Hồ điều hòa và kênh mương;
6. Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
7. Nhà máy xử lý nước thải.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn, khu vực mình quản lý, bao gồm:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có quy định trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư).

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp là chủ sở hữu các công trình thoát nước của khu, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do mình quản lý.

Chương II DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 5. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với chủ sở hữu hệ thống thoát nước trước khi đấu nối và xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và Phụ lục 2

Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 6. Đầu nối hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối tại Điều 7 quy định này và các trường hợp đã tổ chức đầu nối trước khi quy định này có hiệu lực.

2. Trường hợp hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và khu, cụm công nghiệp đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như là một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đầu nối của hệ thống thoát nước.

3. Việc đầu nối của các hộ thoát nước chỉ được thực hiện sau khi có văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước. Đối với công trình hiện hữu, thỏa thuận đầu nối là văn bản thỏa thuận giữa chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đầu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối, thời điểm đầu nối, chất lượng, lưu lượng nước xả vào điểm đầu nối. Đối với trường hợp cấp phép xây dựng công trình mới, cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, chấp thuận việc đầu nối trong giấy phép xây dựng. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, đơn vị cấp phép xây dựng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thi công điểm đầu nối.

4. Kinh phí đầu nối, nghĩa vụ tài chính đầu nối của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước:

a) Hộ thoát nước tự chịu kinh phí đầu tư xây dựng và quản lý công trình thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở thuộc ranh giới đất của mình đến hộp đầu nối.

b) Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định các điểm đầu nối, xây dựng hộp đầu nối, lắp đặt đầu nối. Kinh phí xây dựng điểm đầu nối và lắp đặt đầu nối do chủ sở hữu hệ thống thoát nước chi trả.

Điều 7. Miễn trừ đầu nối

Các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung;

2. Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

3. Đối với các doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, việc miễn trừ đầu nối được áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Điều 8. Chi phí đầu nối và hỗ trợ đầu nối

1. Chi phí đầu nối gồm các chi phí: khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt đường ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối.

2. Các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến công cấp 3 dẫn tới việc phải đầu nối lại tại các điểm đầu nối đã có từ trước thì chi phí cho việc đầu nối nằm trong dự án đầu tư.

3. Đầu nối mới hoặc cải tạo lại các điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước đã có từ trước thì chi phí đầu nối do các hộ thoát nước tự chịu.

4. Đối tượng được hỗ trợ: hộ gia đình có công cách mạng, gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo; các hộ gia đình chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đầu nối. Việc xác định các hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Phương thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hộp đầu nối đến vị trí đường công thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình.

b) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư, từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước, từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc từ các nguồn hợp pháp khác.

c) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chủ sở hữu hệ thống thoát nước quyết định phương thức và mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

6. Các hộ thoát nước không thuộc đối tượng tại Khoản 4 Điều này có trách nhiệm chi trả 100% chi phí để thực hiện đầu nối.

Điều 9. Làm sạch và hút hầm cầu

1. Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải sử dụng các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị thoát nước tham gia về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 10. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận để kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

2. Đơn vị thoát nước theo định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nối của hộ thoát nước; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải được sử dụng làm cơ sở để lập và tính giá dịch vụ thoát nước.

Điều 11. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với hộ thoát nước là hộ gia đình

Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ các trường hợp được quy định cụ thể trong Hợp đồng quản

lý, vận hành. Việc các hộ thoát nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí thoát nước hoặc tự ý thay đổi, sửa chữa hệ thống thoát nước, vi phạm các quy định về thoát nước sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

2. Đối với các hộ thoát nước khác

Khi các hộ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước, chủ sở hữu hệ thống thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Nếu hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước thực hiện ngừng dịch vụ thoát nước theo các điều khoản thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 12. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của các đối tượng sử dụng dịch vụ thoát nước đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết.

Điều 13. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trường hợp bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2. Nội dung quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 14. Quản lý bùn thải từ bể tự hoại

1. Bùn thải từ các hộ gia đình, các cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được thông hút định kỳ.

2. Việc thông hút, vận chuyển bùn thải bề tự hoại phải bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Bùn thải từ bề tự hoại được thu gom, lưu giữ phải được vận chuyển tới các địa điểm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép để xử lý. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải bề tự hoại vào hệ thống thoát nước và môi trường xung quanh.

4. Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải bề tự hoại do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ.

5. Nội dung quản lý bùn thải từ bề tự hoại được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 15. Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

2. Đối với các dân cư nông thôn tập trung, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý phi tập trung. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

3. Nội dung quản lý xử lý nước thải phi tập trung được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 16. Đối tượng thanh toán giá dịch vụ thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Giá dịch vụ thoát nước được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tất cả các hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành. Trừ trường hợp đã thanh toán tiền dịch vụ thoát nước.

Điều 17. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ thoát nước

1. Phương án giá dịch vụ thoát nước được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định, hướng tới thu hồi chi phí để duy trì dịch vụ thoát nước bao gồm cả nước mưa và nước thải.

2. Giá dịch vụ thoát nước được quyết định phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; phù hợp với mức đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, có lộ trình tăng dần và hướng tới mục tiêu đủ chi trả cho chi phí quản lý, vận hành và đóng góp một phần chi phí đầu tư xây dựng công trình thoát nước.

3. Ngân sách địa phương phải bảo đảm bù đủ chi phí quản lý, vận hành, duy trì dịch vụ thoát nước trên địa bàn trong trường hợp nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước được quyết định thấp hơn chi phí thực tế.

Điều 18. Lập và trình duyệt phương án giá dịch vụ thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập và trình giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đối với khu, cụm công nghiệp: chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp phải lấy ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng và Sở Tài chính về mức giá dịch vụ thoát nước trước khi thỏa thuận với các nhà đầu tư trong khu, cụm công nghiệp và quyết định về mức giá.

Điều 19. Cơ chế điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- a) Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải, chất lượng dịch vụ;
- b) Thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, định mức kinh tế kỹ thuật;
- c) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thu nhập của người dân có thay đổi.

2. Quy trình, thủ tục, thẩm quyền điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 quy định này.

Điều 20. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước

Được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 21. Chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP); mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài, cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 22. Đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2013.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ xây dựng nhà máy xử lý nước thải, mạng lưới thu gom, chuyển tải nước thải đến hộp đấu nối trên toàn bộ phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước. Trong trường hợp còn khó khăn về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư phù hợp theo thứ tự ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kể cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực lựa chọn.

Điều 23. Bàn giao hệ thống thoát nước khi đã đầu tư xây dựng hoàn thành

1. Các công trình thoát nước được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Công trình thoát nước trước khi đưa vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phải được tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo đúng quy định hiện hành và được chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo phân cấp kiểm tra, xác nhận bằng văn bản công trình không có vật cản gây tắc dòng chảy, đảm bảo điều kiện đưa vào vận hành khai thác sử dụng.

b) Khi bàn giao toàn bộ hoặc bộ phận công trình thoát nước, chủ đầu tư phải giao cho chủ sở hữu các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết có liên quan.

2. Các công trình thoát nước, xử lý nước thải được đầu tư xây dựng bởi các nguồn vốn khác:

a) Ngay sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước có hoặc không có đấu nối vào hệ thống thoát nước chung đều phải tiến hành bàn giao cho chủ sở hữu hệ thống thoát nước để quản lý vận hành. Trường hợp chưa bàn giao và trong thời gian bảo hành công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình để đảm bảo thoát nước, chống ngập úng và xử lý nước thải. Kinh phí vận hành, bảo dưỡng lấy từ tổng mức đầu tư của dự án được duyệt.

b) Hồ sơ bàn giao được thực hiện như mục b khoản 1 Điều này.

Điều 24. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Chủ sở hữu tổ chức lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 25. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa, phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực (nếu có) với chủ sở hữu.

Điều 26. Quản lý hệ thống hồ điều hòa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hồ điều hòa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Kiểm soát chặt chẽ các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

2. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hòa của các hộ thoát nước tuân thủ theo các quy định để đảm bảo chức năng điều hòa nước mưa và môi trường; duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa và các yêu cầu khác.

3. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; xây dựng quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hồ điều hòa.

Điều 27. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, nội dung quản lý bao gồm:

1. Định kỳ, đánh giá chất lượng công trình đầu mối, kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống.

2. Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thiết lập quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

Điều 28. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi chủ sở hữu thống nhất và phối hợp thực hiện.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết như: đặt tín hiệu, biển báo công trình để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải lưu chứa trong thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển, tập kết đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Sau khi hoàn thành việc nạo vét, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

Điều 29. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu và đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Nội dung cơ bản của hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và Phụ lục 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 30. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thoát nước;

b) Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung các định mức, đơn giá dịch vụ thoát nước đô thị, khu công nghiệp còn thiếu hoặc chưa phù hợp trên địa bàn tỉnh để áp dụng;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ khu, cụm công nghiệp), thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định;

e) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ các nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước;

g) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

h) Chỉ đạo Thanh tra Xây dựng thường xuyên phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo đúng quy định;

i) Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

k) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ các khu, cụm công nghiệp);

l) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Có ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu, cụm công nghiệp để các nhà đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá dịch vụ thoát nước;

c) Hướng dẫn việc quản lý tài chính, kiểm tra và quyết toán việc sử dụng phí thoát nước theo đúng quy định Nhà nước;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc đảm bảo cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở ngành có liên quan thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Làm đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương vận động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước theo phân cấp;

b) Phối hợp với chủ sở hữu công trình thoát nước, đơn vị thoát nước và các cơ quan chức năng có liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống

thoát nước và các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải vào nguồn tiếp nhận (trừ xả vào hệ thống công trình thủy lợi) đối với các hộ thoát nước được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải xả ra nguồn tiếp nhận.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Thẩm định, góp ý công nghệ xử lý nước thải của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước đô thị, các khu, cụm công nghiệp;

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước xả thải trong việc đảm bảo yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

7. Công an tỉnh:

Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong quản lý thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp theo quy định pháp luật.

8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình sở hữu: lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, gửi Sở Xây dựng lấy ý kiến và Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trong các khu, cụm công nghiệp;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu, cụm công nghiệp;

đ) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong các khu, cụm công nghiệp;

e) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trong các khu, cụm công nghiệp theo định kỳ hoặc đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn thuộc huyện theo phân cấp (trong các đồ án quy hoạch phải có nội dung quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải quy định), đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình sở hữu: lựa chọn đơn vị thoát nước, lập giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hộ thoát nước.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước trên địa bàn:

a) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thoát nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

4. Giám sát, quan trắc, định kỳ phân tích chất lượng nước thải sau xử lý.

5. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 32. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Giám sát và kiểm tra các hạng mục của hệ thống thoát nước theo định kỳ và đột xuất để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

3. Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước đã được xây dựng (nếu có).

4. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung và giá trị hợp đồng hàng năm của hợp đồng quản lý, vận hành.

5. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng quản lý, vận hành.

6. Phê duyệt đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành.

7. Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

8. Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đấu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

9. Giải quyết miễn trừ đấu nối.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Hoạt động kinh doanh theo các quy định, được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã ký kết;

b) Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

c) Đề xuất các kế hoạch, chương trình cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước. Kiến nghị làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý của mình;

d) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan liên quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của các tổ chức, cá nhân gây thiệt hại tới hoạt động thoát nước;

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước đấu nối vào hệ thống thoát nước do mình quản lý;

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước thải vào môi trường theo đúng quy định về môi trường; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng;

d) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước;

đ) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

e) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đấu nối trong trường hợp giải quyết miễn trừ đấu nối;

g) Kiểm tra việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra điểm đầu nối kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình;

h) Trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung;

i) Sáu tháng định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra xác định hàm lượng COD;

k) Báo cáo định kỳ dữ liệu hệ thống thoát nước cho chủ sở hữu và Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 34. Các hành vi bị cấm

Các hành vi sau đây về thoát nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận bị cấm:

1. Phá hoại các hệ thống thoát nước;
2. Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thoát nước;
3. Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động thoát nước;
4. Không chấp hành các quy định về độ cao nền xây dựng khi tiến hành xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng trong đô thị;
5. Đổ nối vào hệ thống thoát nước khi không có giấy phép đổ nối;
6. Xả nước thải vào các hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước tiếp nhận khi nước thải không đạt quy chuẩn chất lượng xả thải;
7. Pha loãng nước thải để đạt được yêu cầu của quy chuẩn xả thải hoặc đưa chất gây ô nhiễm vào môi trường;
8. Bịt các cửa thu nước hoặc xả các chất không phải là nước mưa hoặc nước thải vào hệ thống thoát nước;
9. Cung cấp thông tin sai làm ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của các tổ chức, cá nhân khác tham gia các hoạt động thoát nước;
10. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm phiền và đe dọa các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động thoát nước;
11. Các hành vi khác vi phạm các quy định của pháp luật về thoát nước.

Điều 35. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động thoát nước được quy định tại Điều 34 của quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức thực Quy định này; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có chức năng, nhiệm vụ liên quan thực hiện Quy định này.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



The image shows the official seal of the Provincial People's Committee of Hanoi, which is circular and contains the text 'BAN NHÂN DÂN TỈNH' and 'HÀ NỘI'. A handwritten signature in black ink is written over the seal. Below the seal, the name 'Lưu Xuân Vinh' is printed in bold black text.

Lưu Xuân Vinh